SỐ LIỆU XÉT DUYỆT THU PHÍ. LỆ PHÍ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định /QĐ-SGTVT ngày / / 2023 của Sở GTVT Ninh Bình)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán			Thực hiện		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số	**11,000,000,000**	**11,000,000,000**		**10,788,959,000**	**10,788,959,000**	
1	**PHÍ**	**6,200,000,000**	**6,200,000,000**		**6,519,650,000**	**6,519,650,000**	
1.1	Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh	6,200,000,000	6,200,000,000		6,519,650,000	6,519,650,000	
	Tổng số thu	6,200,000,000	6,200,000,000		6,519,650,000	6,519,650,000	
-	Số phải nộp NSNN	700,000,000	700,000,000		853,734,000	853,734,000	
-	Số được khấu trừ hoặc để lại	5,500,000,000	5,500,000,000		5,665,916,000	5,665,916,000	
2	**LỆ PHÍ**	**4,800,000,000**	**4,800,000,000**		**4,269,309,000**	**4,269,309,000**	
2.1	Lệ phí	4,800,000,000	4,800,000,000		4,269,309,000	4,269,309,000	

THÔNG BÁO SỐ LIỆU XÉT DUYỆT THU PHÍ. LỆ

Đơn vị: Văn phòng Sở Giao thông vận tải Ninh Bình

STT	Nội dung	Số dự toán
A	**B**	**1**
	Tổng số	**11,000,000,000**
1	**PHÍ**	**6,200,000,000**
1.1	Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh	6,200,000,000
	Tổng số thu	6,200,000,000
-	Số phải nộp NSNN	700,000,000
-	Số được khấu trừ hoặc để lại	5,500,000,000
2	**LỆ PHÍ**	**4,800,000,000**
2.1	Lệ phí	4,800,000,000

PHÍ NĂM 2022

Đơn vị tính: đồng

Số quyết toán	
2	**3**
10,788,959,000	
6,519,650,000	
6,519,650,000	
6,519,650,000	
853,734,000	
5,665,916,000	
4,269,309,000	
4,269,309,000	